TỪ ĐỒNG NGHĨA - TỪ NHIỀU NGHĨA - TỪ ĐỒNG ÂM

Câu 1: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ "Tổ quốc"?

a. Đất nước. b. Quốc hiệu c. Doanh nghiệp d.Quốc tịch.

Câu 2: Dòng nào dưới đây giải thích đúng nghĩa từ "thiên nhiên"?

a. Tất cả những gì do con người tạo ra.

b. Tất cả những gì không do con người tạo ra.

c. Tất cả mọi thứ tồn tại xung quanh con người.

d. Tất cả mọi thứ không tồn tại xung quanh con người.

Câu 3: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ "im lặng"?

a.Hiền lành b. Dũng cảm c. Yên ắng d. Bảo vệ

Câu 4: Từ nào dưới đây có tiếng "hợp" có nghĩa là "gộp lại"?

a. Hợp lệ b. Hợp lí c. Phù hợp d. Hợp tác

Câu 5: Từ nào sau đây thuộc nhóm từ "công nhân"?

a. Thợ cấy b. Đại uý c. Thợ điện d.Tiểu thương

Câu 6: Từ nào dưới đây trái nghĩa với từ "hòa bình"?

a.Chiến tranh. b. Xung đột c. Bình yên d. Cả a và b đều đúng.

Câu 7: Nhóm từ "giáo viên, bác sĩ, kĩ sư" thuộc chủ đề:

a. Công nhân b. Doanh nhân c. Trí thức d. Quân nhân

Câu 8: Từ nào sau đây thuộc nhóm từ "trí thức"?

a. Thợ cấy b. Đại uý c. Tiểu thương d. Giáo viên

Câu 9: Từ nào sau đây thuộc nhóm từ "quân nhân"?

a.Thợ cấy b. Đại uý c. Tiểu thương d.Giáo viên

Câu 10: Từ nào dưới đây hợp nghĩa với câu: "Anh bộ đội…..... trên vai chiếc ba lô con cóc"?

a. đeo b. xách c. khiêng d. vác

Câu 11: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ "to lớn"?

a. Xinh xắn b. Khổng lồ c. Xấu xí d. Bé xíu

LIVEWORKSHEETS LIVEWORKSHEETS

Câu 12: Từ nào dưới đây trái nghĩa với từ "hòa bình"?

a. Chiến tranh. **b. Đoàn kết.** **c. Yêu thương.** **d. Giữ gìn**

Câu 13: Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ "hòa bình"?

a. Yên tĩnh. **b. Lặng yên.** **c. Thái bình** **d. Thanh thản**

Câu 14: Dòng nào dưới đây có từ đồng nghĩa với từ "hòa bình"?

a. Thanh bình, thái bình, bình yên. **b. Bình yên, lặng yên, thanh bình.**

c. Bình thản, thái bình, hiền hòa. **d. Bình thản, thái bình, lặng yên,**

Câu 15: Trong các câu sau, từ "bay" nào là từ mang nghĩa gốc ?

a. Bác thợ nề đang cầm cái bay trát tường. **b. Đàn cò đang bay trên trời.**

c. Em nhìn thấy máy bay. **d. Chiếc áo đã bay màu.**

Câu 16: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ "đẹp"?

a. Xinh xắn **b. Khổng lồ** **c. Xấu xí** **d. Bé xíu**

Câu 17: Từ "răng" nào được dùng với nghĩa chuyển?

a. Răng cưa **b. Nhổ răng** **c. Răng hàm** **d. Khoa răng hàm mặt**

Câu 18: Chọn những từ trong ngoặc thích hợp điền vào chỗ chấm trong các câu sau:

(quê hương , chôn rau cắt rốn)

a. Mỗi lúc đi xa tôi lại nhớ da diết.

b. Đó là nơi của tôi.

Câu 19: Tìm cặp từ trái nghĩa trong câu "Việc nhỏ chí lớn"?

a. Nhỏ - lớn **c. Việc – chí** **b. Việc nhỏ - chí lớn.** **d. Cả a và c đều đúng**

Câu 20: Tìm cặp từ trái nghĩa trong câu "Chết vinh còn hơn sống nhục"?

a. Vinh - nhục. **b. Chết - sống**

c. Chết – vinh, sống - nhục. **d. Cả a và b đều đúng.**

Câu 21: Từ nào dưới đây có tiếng "hữu" có nghĩa là "có"?

a. Thân hữu **b. Bằng hữu** **c. Hữu nghị** **d. Hữu ích**

Câu 22: Từ "ăn" trong câu nào dưới đây được dùng với nghĩa chuyển?

a. Mỗi bữa cháu bé ăn một bát cơm **c. Ăn trông nồi, ngồi trong hướng.**

b. Em phải ngoan, không thì bố cho ăn đòn đấy! **d. Cơm mẹ nấu ăn ngon quá ạ!**

Câu 23: Điền vào chỗ trống một từ trái nghĩa với từ được in nghiêng để hoàn thành các câu

a. Một miếng khi bằng một gói khi

b. Đoàn kết là , chia rẽ là

LIVEWORKSHEETS LIVEWORKSHEETS

Câu 24: Từ nào đồng nghĩa với từ "thiên nhiên"?

a. Tạo hóa **b. Tự nhiên** **c. Tài nguyên** **d. Rừng núi**

Câu 25: Từ nào dưới đây có tiếng "hữu" có nghĩa là "bạn bè"?

a. Thân hữu **b. Hữu hiệu** **c. Hữu tình** **d. Hữu dụng**

Câu 26: Từ "tớ" trong câu "Theo tớ quý nhất là lúa gạo." là:

a. Đại từ dùng để xưng hô. **b. Đại từ dùng để thay thế.**

c. Cả a và b đều đúng. **d. Cả a và b đều sai.**

Câu 27: Trong câu" Chích bông xà xuống vườn cải. Nó tìm bắt sâu bọ." Đại từ là từ:

a. Chích bông **b. Vườn cải** **c. Nó** **d. Sâu bọ**

Câu 28: Nhóm từ nào sau đây thuộc chủ đề "nông dân"?

a. Thợ cấy, thợ cơ khí **b. Thợ cấy, thợ điện.**

c. Thợ cày, thợ cấy. **d.Thợ cấy, thợ may.**

LIVEWORKSHEETS
LIVEWORKSHEETS